

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12-5-2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng;
2. Ông Lê Minh Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 164/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 867/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 945/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Võ Diệp Kiều O, sinh năm 1995 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Bùi Quốc K, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Võ Diệp Kiều O vắng mặt. Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ chị Võ Diệp Kiều O trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Quốc K qua thời gian quen nhau tìm hiểu rồi tự nguyện kết hôn, tổ chức lễ cưới ngày 13 tháng 9 năm 2015 âm lịch, đăng ký kết hôn vào ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại UBND xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Trước khi kết hôn thì chị có tìm hiểu và biết anh K có hoàn cảnh khó khăn

từ nhỏ vì cha mẹ anh K ly hôn từ khi anh K mới được 04 tuổi, cha mẹ anh K sau khi ly hôn cũng đã lập gia đình riêng. Nên sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại nhà cha mẹ chị tại thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Chị làm nhân viên tiếp thị, còn anh K làm nghề phụ xe khách. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2016 thì anh K cờ bạc, số đề dẫn đến nợ nần, chị nhiều lần khuyên anh K nhưng anh K không nghe. Đến đầu năm 2020 thì vợ chồng chị được cha mẹ chị xây cất nhà ra ở riêng tại thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định để sống thoải mái và để anh K lo làm ăn. Tuy nhiên sau khi ra ở riêng, anh K đi làm được vài tháng thì nghỉ ở nhà chơi game, tiếp tục cờ bạc, số đề, chỉ một mình chị đi làm. Mỗi khi đi làm về nhà thì anh K ghen tuông vô cớ, đánh đập chị và chửi mắng xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm chị. Hiện nay anh K làm nghề lái xe đầu kéo, khoảng vài ngày về nhà một lần. Mỗi lần về nhà thì anh K chửi mắng đánh đập chị. Mâu thuẫn xảy ra liên tục và kéo dài từ năm 2016 đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh K nữa và không thể tiếp tục chung sống với anh K được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Quốc K.

- Về con chung: Chị và anh Bùi Quốc K có hai con chung:

+ Bùi Nguyên T1, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2015;

+ Bùi Hải Đ, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2017.

Cả hai con hiện đang ở với chị. Chị yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh Bùi Quốc K không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung.

- Về nợ: Chị và anh Bùi Quốc K không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết về nợ chung.

**** Bị đơn anh Bùi Quốc K đã được niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.***

**** Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân thủ quy định tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã có lời khai và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của chị O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Võ Diệp Kiều O khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà bị đơn là anh Bùi Quốc K cư trú tại thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Võ Diệp Kiều O và anh Bùi Quốc K tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại UBND xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa chị O và anh K là hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị O, Hội đồng xét xử thấy rằng trong thời gian sống chung, giữa chị O và anh K xảy ra nhiều mâu thuẫn từ năm 2016 vì anh K cờ bạc, số đề, nhiều lần chị O khuyên anh K nhưng anh K không những không nghe mà còn đánh và chửi mắng xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm chị O. Tòa đã niêm yết các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh K không đến Tòa để trình bày ý kiến. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh K và chị O đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị O.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Võ Diệp Kiều O và anh Bùi Quốc K có hai con chung:

+ Bùi Nguyên T1, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2015;

+ Bùi Hải Đ, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2017.

Cả hai con hiện đang ở với chị O. Xét yêu cầu nuôi con của chị O, Hội đồng xét xử thấy rằng anh K thường xuyên vắng nhà, chị O trực tiếp nuôi dưỡng hai con và vẫn đảm bảo cho hai con phát triển bình thường nên giao hai con chung cho chị O nuôi. Chị O không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ: Chị Võ Diệp Kiều O không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Võ Diệp Kiều O phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ

luật Tổ tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Chị Võ Diệp Kiều O được ly hôn anh Bùi Quốc K.

2. Giao hai con chung tên Bùi Nguyên T1, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2015 và Bùi Hải Đ, sinh ngày 15 tháng 11 năm 2017, hiện đang ở với chị Võ Diệp Kiều O cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Quốc K không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Diệp Kiều O không yêu cầu giải quyết.

4. Về tiền án phí: Chị Võ Diệp Kiều O phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị O đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005130 ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Bình Định.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- TAND tỉnh Bình Định;
- UBND xã N;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Duy Minh